

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2011 - 2012

Lớp Học : L35CXD1

Học Kỳ : 2

Môn Học : Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	351050100	Nguyễn Hữu Bá							0						0	0		0.0	0.0	0.0		
2	351050100	Võ Tấn Bình							3						1	5		3.0	2.0	4.0		
3	351050100	Thái Nguyễn Ngọc Châu							0						0	0		0.0	0.0	0.0		
4	351050100	Nguyễn Văn Đắc							6						7			6.0	6.5			
5	351050100	Nguyễn Văn Điệp							6						6			6.0	6.0			
6	351050100	Nguyễn Trọng Hảo							5						5			5.0	5.0			
7	351050100	Nguyễn Văn Hiệp							5						6			5.0	5.5			
8	351050100	Nguyễn Đức Hưng							7						3			7.0	5.0			
9	351050100	Nguyễn Văn Lộc							4						4	0		4.0	4.0	2.0		
10	351050101	Nguyễn Thị Bình Minh							5						5			5.0	5.0			
11	351050101	Đào Đình Nghĩa							8						7			8.0	7.5			
12	351050101	Hoàng Hữu Phước							7						5			7.0	6.0			
13	351050101	Trần Minh Quang							7						8			7.0	7.5			
14	351050101	Trần Quang Quốc							9						5			9.0	7.0			Học lại
15	351050101	Đặng Thanh Quý							8						5			8.0	6.5			Học lại
16	351050101	Nguyễn Văn Sang							7						6			7.0	6.5			
17	351050101	Nguyễn Hữu Sanh							2						6	5		2.0	4.0	3.5		
18	351050101	Mai Trường Sinh							5						5			5.0	5.0			
19	351050102	Trần Hoàng Sĩ							6						4			6.0	5.0			

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
20	351050102	Bùi Văn	Thanh							7						6			7.0	6.5			
21	351050102	Nguyễn	Thắm							3						7			3.0	5.0			
22	351050102	Nguyễn Hữu	Thắng							6						4			6.0	5.0			
23	351050102	Nguyễn Minh	Thuần							0						0	0		0.0	0.0	0.0		
24	351050102	Nguyễn Văn	Toàn							0						0	0		0.0	0.0	0.0		
25	351050102	Nguyễn Đức	Trọng							5						4	5		5.0	4.5	5.0		
26	351050102	Nguyễn Minh	Trung							7						7			7.0	7.0			
27	351050102	Lê Anh	Tuấn							5						8			5.0	6.5			
28	351050102	Nguyễn Anh	Tuấn							9						7			9.0	8.0			Học lại
29	351050103	Bùi Đức	Tùng							3						4	3		3.0	3.5	3.0		
30	351050103	Trần Quang	Văn							5						8			5.0	6.5			
31	351050103	Nguyễn Ngọc	Vĩnh							3						4	4		3.0	3.5	3.5		
32	351050103	Tạ Đức	Vương							4						5	6		4.0	4.5	5.0		
33	351050103	Đổng Huy	Vỹ							2						0	0		2.0	1.0	1.0		

Tổng số: 33 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	1	3.03
Khá	4	12.12

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	18	54.55
Không đạt	10	30.30
Miễn thi	0.00	0.00

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá		

Tp. HCM, ngày tháng năm

Trưởng Khoa

Giáo viên bộ môn

Giáo Vụ Khoa